

THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Đông Hà)

DVT: Ngân đồng

Nội dung	Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường giao		Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026		So sánh thực hiện/Dự toán tỉnh giao		So sánh thực hiện/Dự toán HĐND phường giao	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2	9=5/3	10=6/4
Tổng số thu	537.910.000	362.431.000	567.910.000	384.431.000	311.684.544	294.788.078	57,94	81,34	54,88	76,68
I. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	388.329.000	212.850.000	418.329.000	234.850.000	145.736.895	128.840.429	37,53	60,53	34,84	54,86
1. Các khoản thu 100%	63.261.000	63.261.000	67.761.000	67.761.000	36.943.091	35.411.367	58,40	55,98	54,52	52,26
- Phí, lệ phí	5.225.000	5.225.000	5.225.000	5.225.000	1.392.534	1.117.685	26,65	21,39	26,65	21,39
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	25.000	25.000	25.000	25.000			-	-	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.486.000	6.486.000	7.986.000	7.986.000	2.697.239	2.696.415	41,59	41,57	33,77	33,76
- Lệ phí trước bạ	47.525.000	47.525.000	50.525.000	50.525.000	30.224.496	30.218.218	63,60	63,58	59,82	59,81
- Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					222.629					
- Thu khác	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	2.406.193	1.379.049	60,15	34,48	60,15	34,48
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	325.068.000	149.589.000	350.568.000	167.089.000	108.793.804	93.429.062	33,47	62,46	31,03	55,92
- Thuế CTN&DV doanh nghiệp nhà nước					5.217.923	5.217.923				

Nội dung	Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường giao		Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026		So sánh thực hiện/Dự toán tỉnh giao		So sánh thực hiện/Dự toán HĐND phường giao	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2	9=5/3	10=6/4
- Thuế CTN&DV doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					277	277				
- Thuế CTN&DV ngoài quốc doanh	72.572.000	72.572.000	78.072.000	78.072.000	46.817.442	46.816.953	64,51	64,51	59,97	59,97
- Thuế Thu nhập cá nhân	22.506.000	22.506.000	22.506.000	22.506.000	14.747.483	14.747.105	65,53	65,53	65,53	65,53
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.461.000	3.461.000	3.461.000	3.461.000	2.225.817	2.225.817	64,31	64,31	64,31	64,31
- Thu tiền thuê đất	4.529.000	3.850.000	4.529.000	3.850.000	2.250.064	1.900.108	49,68	49,35	49,68	49,35
- Thu tiền sử dụng đất, trong đó	222.000.000	47.200.000	242.000.000	59.200.000	37.534.798	22.520.879	16,91	47,71	15,51	38,04
+Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn phường	172.000.000	17.200.000	172.000.000	17.200.000			-	-	-	-
+Thu tiền sử dụng đất từ đất do UBND cấp phường quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại	50.000.000	30.000.000	70.000.000	42.000.000	37.534.798	22.520.879	75,07	75,07	53,62	53,62
II. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)										
III. Thu chuyển nguồn	18.884.000	18.884.000	18.884.000	18.884.000	57.817.422	57.817.422	306,17	306,17	306,17	306,17
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước										
V. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	130.697.000	130.697.000	130.697.000	130.697.000	108.130.227	108.130.227	82,73	82,73	82,73	82,73

Nội dung	Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường giao		Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2026		So sánh thực hiện/Dự toán tỉnh giao		So sánh thực hiện/Dự toán HĐND phường giao	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2	9=5/3	10=6/4
- Bổ sung cân đối ngân sách	34.260.000	34.260.000	34.260.000	34.260.000	28.000.000	28.000.000	81,73	81,73	81,73	81,73
- Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng	33.040.000	33.040.000	33.040.000	33.040.000		0	-	-	-	-
- BSCMT thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	63.397.000	63.397.000	63.397.000	63.397.000	80.130.227	80.130.227	126,39	126,39	126,39	126,39